

NGHỊ QUYẾT**Về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuyển đổi số nên đạt một số kết quả như sau:

- Hạ tầng thông tin và truyền thông được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng xu hướng truyền thông hội tụ, gồm: Thiết lập hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) đồng bộ, thống nhất sử dụng chung và 100% cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh đến cơ sở có hạ tầng đảm bảo công tác quản lý và điều hành qua môi trường mạng; duy trì ổn định hệ thống mạng CAMPUS Trung tâm hành chính tỉnh tập trung hoạt động ổn định; hình thành nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu tỉnh; hoàn thành kết nối 8/13 cơ sở dữ liệu (CSDL), hệ thống thông tin với Trục kết nối nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông; hình thành nền tảng hợp trực tuyến.

- Một số ứng dụng CNTT kết nối đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, gồm: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; trực liên thông văn bản điện tử; hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến; cổng thông tin điện tử, trang tin điện tử,... Các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng được thực hiện đồng bộ. Cổng thông tin điện tử của tỉnh tích hợp triển khai liên thông với trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, UBND cấp huyện. Cổng Dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử được xây dựng tập trung, thống nhất, hệ thống liên thông từ cấp xã lên cấp huyện, cấp tỉnh và kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia. Công nghệ số đã và đang được ứng dụng rộng rãi trong một số ngành, lĩnh vực như: Nông nghiệp, Giáo dục, Y tế...

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác chuyển đổi số còn một số hạn chế: Hạ tầng kỹ thuật đầu tư dàn trải và thiếu đồng bộ; chậm đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin triển khai các giải pháp tích hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển chính quyền số, chuyển đổi số; tài nguyên dữ liệu số chưa khai thác hiệu quả; dịch vụ đô thị thông minh chưa nhiều, chưa tạo sự lan tỏa; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số; kỹ năng số của người dân còn hạn chế; thương mại điện tử ở mức thấp. Các doanh nghiệp chưa thật sự chủ động trong chuyển đổi số; công nghiệp công nghệ thông tin chưa phát triển; doanh nghiệp công nghệ thông tin phục vụ quá trình chuyển đổi số chưa nhiều. Công tác đấu tranh với tội phạm trên không gian mạng, bảo đảm an toàn, an ninh mạng còn nhiều khó khăn, thách thức.

Những hạn chế nêu trên có cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong

đó nguyên nhân chủ quan là chính: Nhận thức một số cấp ủy đảng, chính quyền, địa phương, đơn vị và người dân về chuyển đổi số chưa đầy đủ, chưa thật sự quyết tâm trong công tác chuyển đổi số, tư duy trong chuyển đổi số chậm đổi mới; quản lý nhà nước về chuyển đổi số chưa theo kịp thực tiễn; sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự chặt chẽ, còn nhiều khó khăn, vướng mắc; nguồn lực đầu tư cho công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

Bám sát quan điểm văn kiện và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về đẩy mạnh chuyển đổi số; Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 để xác định rõ lộ trình, nguồn lực triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp thực tiễn địa phương và có tính khả thi cao; cụ thể:

- Chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu khách quan, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng vừa cấp bách, vừa lâu dài của hệ thống chính trị và toàn xã hội, chuyển đổi số mang lại cả cơ hội và thách thức đòi hỏi các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp, người dân phải thay đổi để phù hợp với sự tiến bộ của công nghệ, khoa học kỹ thuật, áp dụng mạnh mẽ thành tựu tiên tiến cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vào các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội, nhất là một số ngành, lĩnh vực trọng điểm có tiềm năng, lợi thế làm động lực cho tăng trưởng. Thực hiện chuyển đổi số kết hợp chặt chẽ giữa sáng tạo và phát huy nội lực, hướng đến phát triển ổn định, bền vững đất nước nói chung, tỉnh Lâm Đồng nói riêng.

- Chuyển đổi số trước tiên là chuyển đổi nhận thức, người đứng đầu cấp ủy và chính quyền cần nhận thức sâu sắc, toàn diện về chuyển đổi số; xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số phù hợp với từng giai đoạn; chỉ đạo, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực triển khai chuyển đổi số đồng bộ, sâu rộng đến các cấp, ngành, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Xác định người dân là trung tâm chuyển đổi số. Tăng cường công khai, minh bạch, khuyến khích sự tham gia và giám sát của người dân, cộng đồng trong hoạch định và thực thi chính sách. Giảm thủ tục hành chính, cung cấp các dịch vụ công theo phương thức số, thuận tiện, dễ sử dụng. Trang bị kỹ năng số cho người dân, xây dựng và hình thành văn hóa số trong xã hội.

- Hoàn thiện môi trường pháp lý, ban hành giải pháp phù hợp, tạo động lực cho chuyển đổi số. Phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và các ứng dụng, dịch vụ. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng là yếu tố xuyên suốt, không thể tách rời để chuyển đổi số thành công và bền vững.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai áp dụng công nghệ số, dữ liệu số để đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành của cơ quan đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; xây dựng chính quyền số nhằm nâng cao

chất lượng, hiệu quả hoạt động cơ quan nhà nước phục vụ người dân và doanh nghiệp, đảm bảo người dân có thể tiếp cận, sử dụng dịch vụ thuận tiện mọi lúc, mọi nơi; phát triển mạnh kinh tế số, thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, phát triển doanh nghiệp công nghệ số, tạo động lực phát triển xã hội số; tập trung chuyển đổi số trong các lĩnh vực thế mạnh của tỉnh về y tế, giáo dục, du lịch, nông nghiệp,...

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2025

- *Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội*

+ 100% các văn bản, tài liệu chính thức không mật (*theo quy định*) trao đổi, xử lý, cập nhật, khai thác văn bản điện tử có chữ ký số trên mạng máy tính giữa các cơ quan đảng và giữa cơ quan đảng với cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, được lưu trữ trong Hệ thống tin điều hành tác nghiệp của cơ quan.

+ 100% cơ quan đảng các cấp của tỉnh sử dụng cổng thông tin điện tử có tích hợp với các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng trên nền Web.

+ 100% tài liệu được số hoá kịp thời và đưa vào khai thác trên mạng máy tính theo quy định số hoá tài liệu.

- *Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động*

+ Tối thiểu 80% và phân đầu 90% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

+ Tối thiểu 80% và phân đầu 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

+ Tối thiểu 90% và phân đầu 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

+ 50% hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- *Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế:*

+ Phân đầu tỷ trọng kinh tế số chiếm khoảng 20% GRDP của tỉnh.

+ Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt ít nhất 10%.

+ Năng suất lao động hàng năm tăng bình quân 7%.

- *Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số:*

+ Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã.

+ Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

+ Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký số cá nhân đạt 50% trở lên.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.

- + Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.
- + Phân đầu Lâm Đồng vào nhóm 20 địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số.

b) Mục tiêu đến năm 2030

- *Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động:*

+ Tối thiểu 90% và phân đầu 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

+ 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

+ Tối thiểu 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- *Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế:*

+ Phân đầu tỷ trọng kinh tế số chiếm 30% GRDP của tỉnh.

+ Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt ít nhất 20%.

+ Năng suất lao động hằng năm tăng bình quân 8%.

- *Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số:*

+ Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang và phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.

+ Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký số cá nhân đạt trên 70%.

+ Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%.

+ Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số

1.1. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

a) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số, nâng cao nhận thức cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức và người dân về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số và thực hiện chuyển đổi số trên tinh thần “*nhận thức*” là quyết định, “*người dân*” là trung tâm, “*thể chế và công nghệ số*” là động lực, “*nền tảng số*” là đột phá, “*an toàn, an ninh*” là then chốt, “*chính quyền*” là tiên phong, sự vào cuộc và quyết tâm cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố đảm bảo sự thành công trong chuyển đổi số.

b) Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp chịu trách nhiệm về chuyển đổi số trong cơ quan, lĩnh vực và địa bàn phụ trách; gắn mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành; cam

kết đôi mới, cho phép thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững; đẩy mạnh thanh toán điện tử, phát triển thương mại điện tử.

c) Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền, thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động nhân dân tích cực hưởng ứng chương trình chuyển đổi số tại địa phương.

1.2. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng. Đồng thời, rà soát, sửa đổi hoặc ban hành mới các quy định của Tỉnh ủy về chuyển đổi số để đáp ứng yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo. Ưu tiên bố trí ngân sách và huy động các nguồn lực để thực hiện thành công các nhiệm vụ chuyển đổi số.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào tỉnh; thu hút nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao tham gia vào quá trình chuyển đổi số.

1.3. Đầu tư phát triển hạ tầng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

a) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin theo nguyên tắc đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, tăng cường dùng chung hạ tầng thông tin, tránh đầu tư trùng lặp. Chỉ đạo các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng số, nền tảng số tăng cường bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin.

b) Xây dựng, phát triển hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao. Ưu tiên phát triển hạ tầng băng thông rộng tại các khu công nghiệp, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, bảo đảm sự kết nối, liên thông toàn tỉnh.

c) Chuyển đổi mạng Internet của tỉnh sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới; mở rộng mạng truyền số liệu chuyên dùng đến cấp xã. Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật; xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như: Giao thông, năng lượng, điện, nước, môi trường.

1.4. Phát triển dữ liệu

a) Xây dựng, hoàn thiện CSDL các ngành, lĩnh vực; sớm hoàn thành đưa vào sử dụng Kho dữ liệu dùng chung toàn tỉnh phục vụ khai thác, xử lý, phân tích, hỗ trợ ra quyết định.

b) Xây dựng, chuẩn hóa các CSDL nền, chuyên ngành và quản lý nhà nước. Xây dựng, chuẩn hóa một số cơ sở dữ liệu về công tác tổ chức xây dựng Đảng. Hoàn thiện CSDL dân cư, doanh nghiệp, tiến hành kết nối, đồng bộ với CSDL quốc gia; tập trung hoàn thiện CSDL đất đai; phát triển CSDL hạ tầng đô thị, hợp nhất các dữ liệu đất đai, quy hoạch, xây dựng, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, phòng cháy, chữa cháy, viễn thông, lưới điện,... Nâng cấp, mở rộng bản đồ nền GIS áp dụng cho các dữ liệu không gian chuyên ngành.

1.5. Phát triển nền tảng số

a) Triển khai nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử bảo đảm thiết

thực, hiệu quả; xác định danh sách các nền tảng số dùng chung như: Thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, đô thị, ngân hàng số và khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển các hệ thống này.

b) Triển khai, áp dụng các nền tảng số doanh nghiệp như: Quản trị doanh nghiệp; hoạch định nguồn lực doanh nghiệp tích hợp dữ liệu và phân tích kinh doanh theo nhiều hình thức (*nguồn mở, thuê dịch vụ, ...*) phù hợp từng loại hình doanh nghiệp; thanh toán trực tuyến, mở rộng đa dạng các đối tác, hình thức thanh toán, nhân rộng cho các dịch vụ sự nghiệp công và các giao dịch dân sự.

1.6. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng

a) Kết nối Trung tâm giám sát an toàn, an ninh tập trung và đô thị thông minh của tỉnh với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng quốc gia; quan tâm đầu tư trang thiết bị, phương tiện khoa học kỹ thuật triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình 4 lớp, đảm bảo khả năng thích ứng, chủ động, linh hoạt và giảm thiểu nguy cơ mất an toàn thông tin trên không gian mạng, sẵn sàng các giải pháp phòng ngừa và ứng phó khi có sự cố xảy ra trên địa bàn tỉnh.

b) Tăng cường xây dựng đội ngũ chuyên gia an toàn, an ninh mạng để kịp thời theo dõi, phòng ngừa, ngăn chặn, phối hợp xử lý, khắc phục các sự cố về an toàn, an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao.

1.7. Phát triển nguồn nhân lực

a) Triển khai các chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức về chuyên đổi số, áp dụng công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan, doanh nghiệp.

b) Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công tác tham mưu, vận hành hệ thống chính quyền số, Trung tâm giám sát an toàn, an ninh tập trung và đô thị thông minh.

c) Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài tỉnh để đào tạo, thu hút các chuyên gia công nghệ số, nhân lực CNTT chất lượng cao đến đầu tư, sống và làm việc tại tỉnh.

d) Bổ sung nội dung đào tạo kỹ năng số phù hợp trong các cấp học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp để trang bị cho học sinh, sinh viên kỹ năng thích nghi, sẵn sàng cho môi trường số.

1.8. Hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

a) Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức, diễn đàn trong nước và quốc tế về chuyên đổi số, đô thị thông minh. Tăng cường hợp tác, huy động nguồn lực nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, mô hình mới theo nhiều hình thức. Ưu tiên triển khai và ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học có sản phẩm phù hợp với định hướng xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh.

b) Hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu một số công nghệ lõi có thể đi tắt đón đầu, có khả năng bứt phá mạnh mẽ như dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, thực tế ảo/ thực tế tăng cường.

c) Tạo điều kiện, khuyến khích hình thành, mở rộng các vườn ươm doanh

nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm hỗ trợ, ươm tạo các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo hình thành, phát triển.

2. Phát triển chính quyền số

2.1. Hoàn thiện nền tảng cơ bản xây dựng chính quyền điện tử theo kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Lâm Đồng phiên bản 2.0; hình thành nền tảng dữ liệu phục vụ công dân, doanh nghiệp, nâng cao tương tác giữa chính quyền, người dân, doanh nghiệp; bảo đảm an toàn thông tin mạng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

2.2. Duy trì hoạt động Trung tâm giám sát an toàn, an ninh tập trung và đô thị thông minh của tỉnh; xây dựng Hệ thống phân tích dữ liệu và mô phỏng các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, hoạt động của đô thị phục vụ chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu.

2.3. Hoàn thiện Cổng dịch vụ công theo hướng cung cấp dịch vụ số, kết nối, tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thanh toán trực tuyến quốc gia. Cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công trên nhiều kênh truy cập, nhất là trên thiết bị di động để người dân, doanh nghiệp có trải nghiệm tốt nhất.

2.4. Xây dựng công dữ liệu mở của tỉnh theo các tiêu chuẩn mở trong nước và quốc tế, tích hợp với công dữ liệu quốc gia và Hệ tri thức Việt số hóa; thường xuyên cập nhật dữ liệu, phục vụ người dân, doanh nghiệp truy cập, khai thác, thúc đẩy phát triển dịch vụ số trong nền kinh tế.

2.5. Chuẩn hóa, số hóa quy trình, nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo, nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động quản lý nhà nước của các ngành, lĩnh vực.

3. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội

Đẩy mạnh việc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đảm bảo thống nhất, kết nối liên thông và đồng bộ. Đặc biệt cần tiên phong thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan đảng từ cấp tỉnh đến cơ sở; góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc và cải cách hành chính trong Đảng. Tăng cường kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu, phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hỗ trợ tích cực, hiệu quả cho công tác tham mưu, phục vụ, đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong quá trình chuyển đổi số. Trong đó, tập trung xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh để phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành, quản lý cụ thể như: Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn hệ thống chính trị của tỉnh, nhất là việc lưu trữ, cập nhật hồ sơ cán bộ từ đó khai thác, sử dụng đồng bộ, hiệu quả; quản lý công tác tiếp công dân, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn toàn tỉnh; hệ thống tiếp nhận, phản hồi thông tin (*văn bản, phản ánh, kiến nghị, hình ảnh, video ...*) từ các tổ chức, doanh nghiệp và các cá nhân gửi đến các cơ quan đảng tỉnh nhằm phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần công khai, minh bạch, phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số. Đổi mới cách thức và phát huy hiệu quả nền tảng số để triển khai các nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng

của Đảng; công tác nắm bắt dư luận xã hội, Lịch sử Đảng; định hướng thông tin, quản lý báo chí; lĩnh vực khoa giáo, hoạt động thông tin đối ngoại và nâng cao chất lượng thông tin, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và nhân dân.

4. Phát triển kinh tế số

4.1. Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, công nghiệp 4.0, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

4.2. Phát triển các doanh nghiệp công nghệ số, gồm: Doanh nghiệp thương mại, dịch vụ lớn chuyển hướng hoạt động sang lĩnh vực công nghệ số, đầu tư nghiên cứu công nghệ lõi; doanh nghiệp công nghệ thông tin tiên phong nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ số; doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới; doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo về công nghệ số.

4.3. Nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ phục vụ nhu cầu của xã hội, đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Phát triển sản phẩm nội dung số, truyền thông số, quảng cáo số.

4.4. Phát triển thương mại điện tử: Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, trong đó hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; phát triển nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi giá trị. Các nhà sản xuất lớn, nhà phân phối vừa và nhỏ, nhà bán buôn và các kênh thương mại bán lẻ, công ty thương mại điện tử cùng cấu thành nên chuỗi cung ứng; tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử.

4.5. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và doanh nghiệp công nghệ số: Triển khai hiệu quả kế hoạch phát triển doanh nghiệp số Việt Nam trên địa bàn tỉnh. Trong đó, tập trung phát triển doanh nghiệp công nghệ thông tin truyền thông, doanh nghiệp có ứng dụng công nghệ số.

5. Phát triển xã hội số

5.1. Tích cực phổ biến, tuyên truyền các lợi ích chuyển đổi số, nhất là cơ hội bình đẳng về tiếp cận dịch vụ, đào tạo, tri thức, góp phần thu hẹp khoảng cách số, tiến đến trở thành công dân số.

5.2. Triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số cho người dân theo hình thức trực tuyến, thông qua báo, đài và các phương tiện thông tin đại chúng, đảm bảo dễ hiểu, dễ tiếp cận; tuyên truyền về bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.

5.3. Tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích phát triển hệ sinh thái các ứng dụng công nghệ số nhằm cung cấp các dịch vụ số thiết yếu, thông minh cho người dân. Tăng cường hướng dẫn người dân đăng ký tài khoản công dân điện tử, sử dụng Hệ thống thông tin chính quyền điện tử và các dịch vụ số của tỉnh. Hướng dẫn, tuyên truyền rộng rãi để người dân, doanh nghiệp, du khách tiếp cận, sử dụng các sản phẩm công nghệ số của tỉnh.

5.4. Tăng cường đầu tư quảng bá trên không gian mạng về các sản phẩm văn hóa, lịch sử đặc trưng, xây dựng hình ảnh, văn hóa con người thân thiện, văn minh, cởi mở, đồng thời tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, góp phần xây dựng văn hóa số trong cộng đồng.

6. Chuyển đổi số trên các lĩnh vực ưu tiên

6.1. Lĩnh vực y tế: Đẩy mạnh triển khai nền tảng tư vấn, khám chữa bệnh từ xa kết nối giữa các bệnh viện ở các tuyến, góp phần cải cách hành chính, giảm tải các cơ sở y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy; triển khai các nền tảng: Quản lý xét nghiệm, tiêm chủng, trạm y tế, hồ sơ sức khỏe cá nhân, nền tảng số kết nối các chuyên gia lĩnh vực y tế, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ, phân tích, chẩn đoán bệnh.

6.2. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Triển khai áp dụng công nghệ số, hình thành thể hệ công dân số và doanh nhân số. Tăng cường đưa các hoạt động giáo dục lên môi trường số, hoàn thiện hệ thống học bạ điện tử; số hóa, xây dựng cơ sở tài liệu, giáo trình điện tử; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo hình thức trực tiếp và trực tuyến; triển khai thanh toán học phí, lệ phí qua mạng cho các trường học; triển khai nền tảng số kết nối, phục vụ trực tuyến toàn tỉnh cho công tác tuyển sinh, giảng dạy, học tập, thi cử, xử lý học vụ và cấp bằng, hình thành hệ sinh thái phát triển giáo dục số.

6.3. Lĩnh vực nông nghiệp và quản lý, bảo vệ rừng: Phát triển nông nghiệp số gắn với nông nghiệp sinh thái; nông dân chuyên nghiệp, văn minh; chuyển dần từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế số nông nghiệp, mỗi hộ sản xuất nông nghiệp, hộ kinh doanh cá thể là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ; phát triển các nền tảng số phục vụ nhu cầu người nông dân, kết nối người nông dân và chuyên gia nông nghiệp, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ, phân tích, phát hiện sớm dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản; quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm nông nghiệp từ địa phương khác nhập vào tỉnh; tăng cường kinh doanh qua mạng, phát triển thương mại điện tử đối với sản phẩm nông nghiệp. Đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng: Máy bay không người lái (*Drone*), thiết bị bay không người lái (*Flycam*), thiết bị giám sát vị trí GPS và cảnh báo tiếng động,...; đẩy mạnh các ứng dụng công nghệ: GIS, trí tuệ nhân tạo (*AI*), dữ liệu lớn (*BigData*), công nghệ viễn thám,... phục vụ chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, hỗ trợ công tác tuần tra, bảo vệ rừng, nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; đồng bộ hóa việc cập nhật cơ sở dữ liệu về rừng và quy hoạch phát triển rừng trên các hệ thống thông tin quản lý của tỉnh và của Tổng cục Lâm nghiệp.

6.4. Lĩnh vực du lịch: Cung cấp đầy đủ thông tin và trải nghiệm trực tuyến cho du khách trước và trong khi thực hiện chuyến đi theo thời gian thực; mỗi doanh nghiệp du lịch là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số; phát triển các nền tảng số kết nối cung và cầu về du lịch. Triển khai nền tảng dữ liệu số du lịch, cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp du lịch làm nòng cốt, khách du lịch tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, cung cấp dữ liệu. Nền tảng du lịch số phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp du lịch, kết nối doanh nghiệp cung cấp

sản phẩm, dịch vụ du lịch với các nhà phân phối, đại lý du lịch trực tuyến và các sàn giao dịch du lịch, phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh. Nền tảng mô hình hóa đa chiều phục vụ phát triển bảo tàng số, du lịch số.

6.5. Lĩnh vực tài chính, ngân hàng, thương mại điện tử: Phát triển đa dạng các kênh phân phối, đổi mới sáng tạo, tự động hóa quy trình, thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính và trung gian thanh toán trong việc xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính ngân hàng, đưa dịch vụ tài chính, ngân hàng đến gần hơn người dân vùng sâu, vùng xa. Triển khai tài chính điện tử và thiết lập nền tảng tài chính số hiện đại, bền vững. Triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, hải quan, kho bạc, chứng khoán. Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững; hình thành hệ sinh thái gắn kết doanh nghiệp thương mại điện tử với các nhà sản xuất, nhà phân phối để quản lý chuỗi cung ứng. Hỗ trợ người dân đưa các sản phẩm, dịch vụ của mình lên sàn thương mại điện tử.

6.6. Lĩnh vực giao thông - vận tải và logistics: Phát triển hệ thống giao thông thông minh, tập trung vào các hệ thống giao thông đô thị, đường cao tốc. Triển khai các hệ thống thông minh hỗ trợ người dân, du khách tìm kiếm, sử dụng phương tiện giao thông công cộng. Triển khai công nghệ thông tin giao thông trực tuyến, hệ thống giám sát, quản lý thu phí đầu đỗ xe thông minh; hệ thống giám sát và điều khiển giao thông qua camera theo thời gian thực. Số hóa hạ tầng giao thông trên bản đồ số phục vụ xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình giao thông, quản lý quy hoạch giao thông, chia sẻ cho các cơ quan liên quan. Hình thành các trung tâm kho bãi, chia chọn tự động dựa trên công nghệ số phục vụ logistics.

6.7. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Xây dựng hệ thống thông tin quản lý quy hoạch về đất đai; cơ sở dữ liệu quản lý các quy hoạch thuộc lĩnh vực tài nguyên - môi trường từ cấp tỉnh đến cấp xã theo hướng ứng dụng công nghệ hiện đại thích ứng với quá trình chuyển đổi số quốc gia; tiếp tục hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường đảm bảo kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu dùng chung với các hệ thống thông tin quốc gia và các ngành, lĩnh vực khác; triển khai các giải pháp, ứng dụng thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, phân tích, dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, xử lý sự cố môi trường; xây dựng hệ thống tính toán dữ liệu quy hoạch môi trường cho phát triển bền vững, đa dạng sinh học, nguồn thải, biến đổi khí hậu, khí tượng, thủy văn, địa chất, khoáng sản; xây dựng cổng thông tin không gian địa lý và công nghệ thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường của tỉnh; hệ thống kho dữ liệu số tài nguyên môi trường.

6.8. Lĩnh vực công nghiệp, năng lượng: Tăng cường ứng dụng công nghệ số, nền tảng thu thập, phân tích dữ liệu phục vụ hoạch định tối ưu nguồn lực, hỗ trợ quản lý, điều hành, giám sát, điều khiển tự động các hệ thống, dây chuyền sản xuất công nghiệp. Phát triển kỹ năng số cho người lao động. Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng, ưu tiên cho ngành điện lực hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cung ứng điện một cách hiệu quả; xây dựng, hoàn thiện hạ tầng dữ liệu lưới điện; ứng dụng công nghệ số trong điều hành, quản lý, giám sát việc cung cấp, truyền tải, phân phối và tiêu thụ điện.

6.9. Lĩnh vực xây dựng: Phát triển cơ sở dữ liệu hạ tầng đô thị hướng tới đô thị thông minh bền vững, hợp nhất các cơ sở dữ liệu hạ tầng đô thị, quy hoạch, quản lý quy hoạch, xây dựng, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, phòng cháy, chữa cháy, viễn thông, lưới điện,... thống nhất, đồng bộ trên nền tảng GIS dùng chung; ứng dụng nền tảng mô hình thông tin công trình (*BIM*) cho việc xây dựng quy trình nhận hồ sơ, thẩm định dự án xây dựng, đầu tư xây dựng công trình. Số hóa các hồ sơ quy hoạch nhằm cung cấp thông tin cho người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư theo đúng quy định; tích hợp thông tin pháp lý đối với công tác quản lý dân cư, đất đai, giao thông và các dịch vụ công trong đô thị; cải cách hành chính, hiện đại hóa và đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

7. Nguồn lực chuyển đổi số: Ưu tiên cân đối ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện các hoạt động, chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số và các dự án trọng điểm có tính đột phá.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện Nghị quyết; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; chỉ đạo các ngành, lĩnh vực xây dựng bộ tiêu chí chuyển đổi số riêng của từng ngành, lĩnh vực và xác định lộ trình, thời gian cụ thể để triển khai thực hiện.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong thực hiện Nghị quyết.

3. Các ban của Tỉnh ủy, Đảng đoàn, Ban cán sự đảng; các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp tỉnh; thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết này; định kỳ sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện.

Nghị quyết này được phổ biến, quán triệt đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Ban cán sự đảng Bộ Thông tin - Truyền thông,
- Các Vụ theo dõi ĐP của Ban Đảng TW,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND tỉnh,
- Đảng đoàn, Ban cán sự đảng,
- Các ban của Tỉnh ủy, UBKT Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XH1.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**

Trần Đức Quận